

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có)
a)	Sản phẩm 1				
b)	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	102,722	104,991	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9,749	10,209	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,799	7,829	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	12,500	17,654	
6	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	Tỷ đồng	72,515	76,837	
8	Tổng lao động	Người	285 (+6)	283(+6)	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	35,437	36,537	
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	2,413	2,437	
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	33,500	34,100	

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

- Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên; tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt: Không có.
- Các khoản đầu tư tài chính: Không có.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: Không có Công ty con.

Trên đây là Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBND TP (Để báo cáo);
- UBND Q.10 (Để báo cáo);
- HĐQT, BGĐ Cty (Để báo cáo);
- KSV Cty (Để báo cáo);
- Các phòng ban, Đội Cty;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thảo

**Biểu số 4: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH
VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2023**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10
MST:0301114000**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quận 10, ngày 26 tháng 6 năm 2024

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
A	Quét dọn vệ sinh				
	- Lòng đường	1000m ²	47.402,00	47.402,00	100%
	- Vĩa hè	1000m ²	20.657,09	20.657,09	100%
B	Tưới rửa đường bằng xe cơ giới	1000m	214,312	214,31	100%
C	Khối lượng thoát nước				
	- Hầm ga (cái)	cái	7.865	7.865	100%
	- Cống (md)	md	86.312	86.312	100%
D	Khối lượng chăm sóc cây xanh				
	Chăm sóc thảm cỏ	m ²	3.940.167,7	3.928.916,86	99,71%
	Chăm sóc bồn hoa kiểng, cây kiểng, cây xanh	m ²	366.095	189.800	51,84%
	Vệ sinh đường nội bộ	m ²	1.170.190	1.170.190	100%
	Bảo vệ mảng xanh	m ²	1.538.511,5	1.529.230,96	99,4%
E	Khối lượng vận chuyển rác (tấn)	tấn	91.250,00	82.130,72	90,01%
2	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm,				

	dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
3	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ Công ích trong năm				

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP:

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường
2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội
3. Trách nhiệm với nhà cung cấp
4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng
5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thảo